TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 65/2018/HS-ST
Ngày: 22-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**:* Bà Đoàn Thị Thúy.

Thư ký phiên toà: Ông Trần M Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Khương Thị Lơ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2018/HSST ngày 05-10-2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/HSST- QĐ ngày 10-10-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/HSST-QĐ ngày 17-10-2018 đối với các bị cáo:

1. Hà Văn Q, sinh năm 1988; ĐKHK và nơi cư trú: xóm Đ, thôn VT, xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Hà Văn A và bà Nguyễn Thị G1; có vợ Nguyễn Thị H1, sinh năm 1989 và 03 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07-9-2018 đến ngày 10-9-2018; được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn H, sinh năm 1988. ĐKHK và nơi cư trú: xóm T, thôn VT, xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Hà Thị Ln; có vợ Nguyễn Thị Th, sinh năm 1991 và 02 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07-9-2018 đến ngày 10-9-2018; được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn T, sinh năm 1988. ĐKHK và nơi cư trú: xóm CB, thôn VT, xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Qg và bà Nguyễn Thị H2; có vợ Hoàng Thị T2, sinh năm 1991 và 02 con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07-9-2018 đến ngày 10-9-2018; được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Văn M, sinh năm 1989. ĐKHK và nơi cư trú: xóm CB, thôn VT, xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ1 và bà Hà Thị X; có vợ Nguyễn Thị H3, sinh năm 1989 và 02 con (lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07-9-2018 đến ngày 10-9-2018; được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn L, sinh năm 1988. ĐKHK và nơi cư trú: xóm CB, thôn VT, xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Nh; ông T1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Bị cáo có vợ là Bùi Thị Q1, sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số 91/2005/HSST ngày 30-9-2005, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 48 tháng tù về tội Cướp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07-9-2018 đến ngày 10-9-2018; được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn M, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD.

- Chị Vũ Thị H1, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn PL, xã CV, huyện CG, tỉnh HD

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 07-9-2018, Nguyễn Văn T, Hà Văn Q, Phạm Văn M và Trần Văn H tổ chức hát tại phòng VIP I của quán Karaoke Phượng Hồng ở thôn PL, xã CV, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương do chị Vũ Thị H1 làm chủ quán. Tại phòng hát, thấy có 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân nên Q, T, M và H rủ nhau chơi đánh liêng,

thống nhất hình thức chơi như sau: Bắt đầu chơi, một người sẽ cầm bộ bài tú lơ khơ chia bài cho mỗi người chơi 03 quân bài; mỗi người chơi sẽ đặt tiền cược cố định trước mỗi ván là 10.000đ (gọi là tiền gà) rồi mới lên bài. Người cầm bộ bài tố (đặt cược) trước, người bên cạnh sẽ tố theo thứ tự từ phải sang trái; nếu không theo thì úp bài xuống coi như thua và mất số tiền 10.000đ đã cược, người nào theo thì đặt tiếp số tiền vào tiền gà trước đó, cứ như vậy đến khi người nào đặt tiền cao nhất (tiền tố cao nhất không quá 50.000đ) sẽ là người thắng. Nếu số tiền đặt cược tố bằng nhau thì sẽ so điểm, ai cao điểm nhất thì sẽ thắng, người thắng sẽ thu tiền gà và tiền tố của tất cả người chơi (cách tính điểm: Quân A là 1 điểm, quân 2 là 2 điểm... đến quân 9 là 9 điểm; các quân 10, J, Q, K là 0 điểm; bài có tổng 9 điểm là cao nhất, nếu có nhiều người chơi bằng điểm thì so đến chất theo thứ tự từ lớn đến bé là rô, cơ, tép, bích). Nếu người chơi có bộ 3 quân liền kề theo thứ tự tăng dần là "Liêng" và sẽ thu mỗi người chơi 50.000đ cùng tiền gà và tiền tố trước đó; nếu người chơi có bộ 3 quân giống nhau là "Sáp" và sẽ thu mỗi người chơi 100.000đ cùng tiền gà và tiền tố trước đó. Nếu có nhiều người chơi cùng có "Liêng" hoặc "Sáp" thì sẽ tính theo thứ tự từ lớn đến bé A là to nhất, 2 là nhỏ nhất sau đó là tính theo chất theo thứ tự rô, cơ, tép, bích.

Q, T, M và H chơi được khoảng 30 phút thì có Nguyễn Văn L đến hát và cùng tham gia chơi. Các bị cáo chơi đến 15 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra phát hiện, bắt quả tang có sự chứng kiến của anh Nguyễn Văn Ph và chị Vũ Thị H; thu giữ 01 bộ bài tú lơ khơ và 5.800.000đ tại bục đứng hát (trong đó có 400.000đ các bị cáo góp để trả tiền thuê phòng hát; thu tại vị trí trước mặt H 1.750.000đ; thu tại vị trí trước mặt M 300.000đ, thu tại vị trí trước mặt Q 1.850.000đ, thu tại vị trí trước mặt T 600.000đ và thu tại vị trí trước mặt L 900.000đ). Ngoài ra còn thu trong người các bị cáo tổng số tiền không sử dụng đánh bạc 15.750.000đ (trong đó H 3.000.000đ, M 4.000.000đ, Q 1.200.000đ, T 6.000.000đ và Lực 1.500.000đ).

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 67/QĐ-VKS ngày 05-10-2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo Hà Văn Q, Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn M và Nguyễn Văn L về tội đánh bạc, theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi chơi liêng ăn tiền và khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt là đúng, không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị HĐXX:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hà Văn Q, Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn M, Nguyễn Văn L phạm tội đánh bạc.

Về hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Văn Q từ 07 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự đối với H và T.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, kể từ ngày cơ quan tổ chức được giao nhiệm vụ giám sát giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án, bản án. Khấu trừ thu nhập từ 5% đến 10%/tháng đối với bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 10 đến 13 tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, kể từ ngày cơ quan tổ chức được giao nhiệm vụ giám sát giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án, bản án. Khấu trừ thu nhập từ 5% đến 10%/tháng đối với bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Giao bị cáo Hà Văn Q, Trần Văn H, Nguyễn Văn T cho UBND xã CV giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và chấp hành án. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Q cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Q phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo M. Phạt tiền bị cáo Phạm Văn M từ 20.000.000đ đến 23.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo L. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn L từ 20.000.000đ đến 23.000.000đ.

Bị cáo M và L phải nộp phạt một lần sau 1 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 5.800.000đ các bị cáo dung vào đánh bạc; Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân;

Trả lại cho các bị cáo Q 1.200.000đ; M 4.000.000đ; Lực 1.500.000đ; T 6.000.000đ; H 3.000.000đ nhưng bảo thủ để thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016; Buộc các bị cáo Hà Văn Q, Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn M, Nguyễn Văn L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng trong phiên tòa: các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, lời khai người làm chứng tại cơ quan điều tra; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng từ 14 đến 15 giờ ngày 07-9-2018, tại phòng hát VIP I của quán Karaoke Phượng Hồng ở thôn PL, xã CV, huyện CG, tỉnh HD, Hà Văn Q, Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn M và Nguyễn Văn L đã có hành vi chơi đánh liêng ăn tiền thì bị phát hiện, bắt quả tang thu giữ 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và số tiền sử dụng đánh bạc 5.800.000đ. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh liêng ăn tiền là vi phạm pháp luật, song vì hám lợi kiếm tiền nhanh nên các bị cáo vẫn cố ý sát phạt lẫn nhau. Xét về hành vi và số tiền sử dụng đánh liêng của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tôi đánh bạc. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo Hà Văn Q, Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn M và Nguyễn Văn L về tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang, sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng, tội phạm ít nghiêm trọng, các bị cáo đều có nơi cứ trú, lý lịch rõ ràng nên Tòa án áp dụng thủ tục rút gọn để xét xử đối với các bị cáo theo quy định tại các Điều 456, 457, 462, 463 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự cộng cộng, gây mất trật tự trị an trong thôn xóm, ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an xã hội của địa phương.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất đồng phạm giản đơn vì không có sự chuẩn bị trước, không có tổ chức cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm; quá trình điều tra không xác định được ai là người đề xuất;

Xét vai trò: Các bị cáo Q, H, T, M tham gia đánh bạc từ đầu. Bị cáo Q có số tiền đánh bạc nhiều nhất là 1.850.000đ nên có vai trò đầu vụ; bị cáo H có 1.750.000đ dùng vào việc đánh bạc nên giữ vai trò thứ hai; lần lượt sau đó đến bị cáo T và M; bị cáo L đến sau và sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất nên giữ vai trò thứ năm. Căn cứ Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, cần xem xét để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS(viết tắt TNHS).

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo T, Q, M và H có nhân thân tốt, đều lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, cả 5 bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; bị cáo Lực có bố đẻ là ông Nguyễn Văn T1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất nên các bị cáo T, Q, M và H được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; đối với bị cáo L điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đánh bạc với số tiền không lớn, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội không cao, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đều không có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà có thể cho các bị cáo được tại ngoại, cải tạo không giam giữ tại địa phương hoặc phạt tiền theo Điều 35, Điều 36 và Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục.

[6] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Thời gian đánh bạc không dài; tiền sử dụng đánh bạc không lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân là công cụ các bị cáo dùng vàoviệc đánh bạc nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 5.800.000đ là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Số tiền 15.700.000đ thu giữ trong người các bị cáo; quá trình điều tra xác định không sử dụng vào việc đánh bạc, trả lại cho các bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[9] Các vấn đề khác:

Anh Nguyễn Văn Ph có mặt tại phòng hát nhưng chỉ ngồi xem không tham gia đánh bạc, không có căn cứ xử lý.

Chị Vũ Thị H1 là chủ quán Phượng Hồng, khi cho các bị cáo thuê phòng để hát không biết các bị cáo đánh bạc sát phạt ăn tiền, không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hà Văn Q phạm tội đánh bạc

Xử phạt bị cáo Hà Văn Q 08*(tám*) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Hà Văn Q cho UBND xã CV, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, bị cáo Q cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Văn T phạm tội đánh bạc

- Xử phạt bị cáo Trần Văn H 15(*mười lăm*) tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 03 ngày tạm giữ(từ ngày 07-9-2018 đến ngày 10-9-2018) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành tiếp 14(*mười bốn*) tháng 21(*hai mươi mốt*) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND xã CV , huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo Trần Văn H trong thời gian cải tạo không giam giữ sung vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12(*mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 03 ngày tạm giữ(từ ngày 07-9-2018 đến ngày 10-9-2018) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành tiếp 11(*mười một*) tháng 21(*hai mươi mốt*) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND xã CV , huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo Nguyễn Văn T trong thời gian cải tạo không giam giữ sung vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn T cho UBND xã CV, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nơi các bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn M phạm tội đánh bạc

Phạt bị cáo Phạm Văn M 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội đánh bạc

Phạt bị cáo Nguyễn Văn L 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*).

Biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.800.000đ, được niêm phong bằng một phong bì thư dán kín các mép nối. Tại mép dán có chữ ký của bị cáo và những người có liên quan, được đóng dấu giáp lai của Công an xã CV, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Trả lại cho các bị cáo Hà Văn Q 1.200.000đ; Phạm Văn M 4.000.000đ; Nguyễn Văn L 1.500.000đ; Nguyễn Văn T 6.000.000đ; Trần Văn H 3.000.000đ nhưng bảo thủ để thi hành án.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài;

(Phong bì đựng tiền và bộ bài tú lơ khơ có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10-10-2018).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

Các bị cáo Hà Văn Q, Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn M, Nguyễn Văn L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Công an huyện Cẩm Giàng ;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương.
- Chi cục THADS H. Cẩm Giàng.
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu Vp

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thúy